

CÁC DẠNG BÀI TẬP BẤT QUY TẮC

I. Bất quy tắc “ㅂ”, “돕다”:

- “ㅂ”: Kết hợp với nguyên âm => mất “ㅂ” thêm “우” vào sau động, tính từ.

- “돕다”: Gặp “아요” mất “ㅂ” thêm “오”
Gặp “으” mất “ㅂ” thêm “우”

1. Thời tiết hôm nay rất lạnh. Cậu mau vào nhà đi. (Lạnh: 춥다)

>

2. Vì trời nóng nên tôi đã đi bơi cùng với bạn. (Nóng: 덥다)

>

3. Ở bên ngoài ồn ào quá nên tôi đã đóng cửa sổ lại. (Ồn ào: 시끄럽다)

>

4. Yong Suk à! Bài tập tiếng Hàn này khó quá! Cậu có thể chỉ (dạy) tớ được không? (Khó: 어렵다)

>

5. Cái túi này nặng quá! Cậu hãy giúp tớ nhé! (Nặng: 무겁다)

>

6. Nếu cậu giúp bạn ấy nhiều lần thì bạn ấy sẽ trở nên lười biếng. (Lười biếng: 게으르다/ A+지다: trở nên A)

>

7. Vì hôm qua tôi đã giúp đỡ Sumi làm bài tập nên hôm nay cô ấy tặng tôi món quà. (Quà: 선물/)

>

8. Bài tập ngữ pháp tiếng Hàn này dễ. Cậu đã làm hết chưa? (Dễ: 쉽다)

>

9. Minji rất hay giúp đỡ những người khó khăn. Cậu ấy rất tốt bụng. (어려운 사람들: những người khó khăn; 마음씨 좋다: Tốt bụng)

>

10. Đồ ăn Thái rất ngon nhưng vì cay nên tôi không thể ăn được.

>

II. Bất quy tắc “ㄹ”

- Khi gặp phụ âm “ㅂ, ㄴ, ㅅ” thì mất “ㄹ” và áp dụng ngữ pháp thông thường.

- Khi gặp “(으)ㅂ, ㄴ, ㅅ” thì mất cả “으” và “ㄹ” VD: 멀+(으)니까 > 머니까

- Nếu sau “으” không phải là “ㅂ, ㄴ, ㅅ”: chỉ mất “으”. VD: 살+(으)면 >>> 살면

- Khi “ㄹ” đứng trước các cấu trúc ngữ pháp như: (으)ㄹ 때, (으)러, (으)ㄹ게요, (으)ㄹ래요?: thì cộng trực tiếp mà không lược bỏ gì.

1. Chào bạn! bạn có biết Yong Suk không?

>

2. Vì kí túc xá xa trường học nên hơi bất tiện. (N1 은/는-이/가 + N2에서 멀다: N1 xa N2; bất tiện: 불편하다)

>

3. Hiện tại tôi đang sống ở Seoul. Ở đây rất hiện đại và tiện lợi. (Hiện đại: 현대; tiện lợi: 편리하다)

>

4. Đừng khóc nữa! Nếu bạn cứ tiếp tục khóc thì mắt sẽ sưng lên đấy! (Khóc: 울다; tiếp tục: 계속; sưng: 붓다)

>

5. Khi tôi sống ở Việt Nam, tôi đã làm quen được rất nhiều người bạn. (Làm quen, kết bạn: 사귀)

>

6. Tớ rất hay làm bánh kem. Cậu có muốn làm chung không? (Đuôi câu (으)ㄹ래요; bánh kem: 케이크)

>

7. Hội chợ lần này tổ chức ở Seoul nên có rất nhiều người. (Hội chợ: 박람회; Tổ chức, mở: 열다)

>

III. Bất quy tắc “ㄹ”: Khi gặp nguyên âm >>> bỏ “으” và thêm “ㄹ” vào từ phía trước.

Sau đó xét nguyên âm phía trước:

+ Nếu là “오/아” thì thêm “아” vào phía sau.

+ Nếu khác “오/아” thì thêm “어” vào phía sau.

****Những động từ không thuộc BQT “ㄹ” mà áp dụng BQT “으”:

따르다, 치르다, 들르다

1. Dạo này giá hàng hóa tăng mạnh (Tăng lên: 오르다; Hàng hóa: 물자; Giá: 값)

>

2. Vì không biết tiếng Hàn nên thật bất tiện.

>

3. Vì trời nóng nên tôi đã cắt tóc. (Tóc: 머리; Cắt: 자르다)

>

4. Tiếng Hàn rất thú vị. Bạn hãy thử học tiếng Hàn đi. (V+아/어 보세요: hãy thử)

>

5. Vì quá nhanh nên tôi không thể thấy được gì cả.

>

6. Vì nước mắt cứ tuôn ra nên mắt tôi rất đau. (Nước mắt: 눈물; tuôn ra: 흐르다)

>

7. Vì ăn quá nhiều nên tôi rất no. Vì vậy không thể ăn thêm được. (No: 부르다)

>

IV. Bất quy tắc “으”

Khi gặp nguyên âm >>> mất “” sau đó xét nguyên âm phía trước:

- Nếu là “오/아” thì thêm “아” vào phía sau.

- Nếu khác “오/아” thì thêm “어” vào phía sau.

1. Hôm qua vì quá bận nên tôi không thể ăn cơm được.

>

2. Misu học giỏi và xinh đẹp nên mọi người rất thích cô ấy.

>

3. Vì đã đậu kì thi tiếng Hàn nên tôi rất vui. (Kì thi: 시험; Đậu, đạt: 합격하다; vui: 기쁘다)

>

4. Bộ phim này rất buồn. Tôi đã khóc rất nhiều. (Buồn: 슬프다)

>

5. Nếu đi ra ngoài thì phải khóa cửa lại. (Đi ra ngoài: 밖에 나가다; khóa: 잠그다)

>

6. Sau khi tam làm tôi đã ghé qua nhà bạn tôi. (Tam làm: 퇴근하다; Ghé: 들르다)

>

7. Vì quá bận không thể ăn được nên bây giờ cảm thấy đói bụng.

V. Bất quy tắc “ㄷ”

Khi gặp nguyên âm: “ㄷ” biến thành “ㄹ”

Những động từ dưới đây không thuộc BQT này:

받다, 닫다, 얻다, 묻다(**chôn cất**), 뺏다, 믿다, 쏟다

Tuy nhiên động từ 묻다(hỏi) thì vẫn áp dụng BQT “ㄷ”

1. Nếu nghe nhạc thì tâm trạng sẽ rất thoải mái. (Thoải mái: 편하다)

>

2. Mỗi ngày tôi đi bộ từ nhà đến trường. (Đi bộ: 걷다; Từ N1 đến N2: N1에서 N2까지)

>

3. Tôi không biết nữa! Hãy thử hỏi Minji xem.

>

4. Nếu nhận ra sớm hơn thì bây giờ tôi đã không hối hận. (Nhận ra, hiểu ra: 깨닫다; Hối hận: 후회하다)

>

5. Nghe tin đứa bạn thân đậu kì thi tiếng Hàn nên tôi rất vui.

>

6. Đừng tin cậu ấy! Hãy hỏi người khác đi.

>

VI. Bất quy tắc “ㅅ”

Khi gặp nguyên âm sẽ mất đi “ㅅ”

*****Những từ sau không thuộc BQT này: 씻다, 웃다, 벗다, 솟다.**

1. Ba mình đã xây căn nhà này. (Xây dựng: 짓다; bức tường: 벽)

>

2. Sau khi uống thuốc thì bệnh cũng đã khỏi. (Khỏi: 낫다)

>

3. Nếu cứ tiếp tục đổ nước vào bình thì nước sẽ tràn ra. (Đổ vào: N에 + 붓다; Tràn: 쏟다)

>

4. Khi đọc sách nếu bạn muốn ghi nhớ thì hãy gạch dưới. (Khi V: 을르 때, ghi chú: 메모하다; gạch dưới, gạch chân: 밑줄을 긋다)

>

5. Vì đã khỏi bệnh nên ngày mai tôi sẽ đi đến trường.

>

6. Thư viện sẽ được xây ở mảnh đất này. (Mảnh đất: 땅)

VII. Bất quy tắc “ㅎ”

- Khi kết hợp với “으”: “ㅎ” và “으” đều bị lược bỏ.

- Khi kết hợp với nguyên âm là :

+ “아/어” >>> mất “ㅎ” và biến đổi thành “애”.

+ **Khác** “아/어” >>> mất “ㅎ” và biến đổi thành “애”.

Những từ sau không thuộc BQT này: 쌓다, 좋다, 놓다, 날다, 넣다, 당다.

1. Cậu mới đi Hàn Quốc về à? Ở đó thế nào?

>

2. Tại sao chiếc lá này lại màu đỏ nhỉ? (Lá cây: 잎; Màu đỏ: 빨갱다)

>

3. Hãy đưa tôi chiếc áo màu trắng kia nhé. (Màu trắng: 하얱다)

>

4. Con gái rất thích làn da trắng. (Da: 피부)

>

5. Màu này là màu gì ạ?

>

Là màu trắng!

>

6. Nếu cậu cứ tiếp tục như thế này thì đừng nói chuyện với mình nữa. (Như thế này: 이렇다)

>

7. Hôm nay trời đẹp quá. Vì vậy cùng đi chơi không? (Vì vậy: 그렇다)

*****Không bất quy tắc:**

8. Cậu đã sinh em bé rồi hả? Chúc mừng nhé! (Sinh, đẻ: 낳다)

>

9. Vì công việc chất đống nên tôi rất mệt. (Chất đống: 쌓다; Mệt: 피곤하다)

IG: studykoreanwithmj

>

